

(b) Các máy móc và thiết bị lắp trên một khung đơn giản có bánh xe, được thiết kế để kéo, như các máy bơm hoặc máy nén khí lưu động (**nhóm 84.13 hoặc 84.14**), các cần cầu và thang di động (**nhóm 84.26 hoặc 84.28**).

(c) Rơ moóc trộn bê tông (**nhóm 84.74**).

CÁC BỘ PHẬN

Nhóm này cũng bao gồm các bộ phận của các xe đã nêu trên, miễn là bộ phận đó đáp ứng được hai điều kiện:

(i) Chúng phải được xác định là phù hợp để sử dụng riêng hoặc chủ yếu sử dụng với các loại xe trên.

và (ii) Chúng phải không bị loại trừ bởi các qui định trong Chú giải Phần XVII (xem Chú giải Tổng quát tương ứng).

Các bộ phận trong nhóm này gồm:

- (1) Các khung gầm và bộ phận cấu thành của chúng (rầm dọc, thanh ngang, v.v...)
- (2) Các trục xe.
- (3) Các thân xe và bộ phận của chúng.
- (4) Các bánh xe bằng thép hoặc bằng gỗ và các bộ phận của chúng, kể cả bánh xe có lắp lốp bơm hơi.
- (5) Các thiết bị móc nối.
- (6) Phanh và bộ phận của nó.
- (7) Tay cầm, càng kéo và các bộ phận tương tự.

*
* *

Các thiết bị thể thao mùa đông như xe trượt tuyết, xe trượt băng, ..., bị **loại trừ** (**thuộc nhóm 95.06**).

Chương 88

Phương tiện bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng

1. - Theo mục đích của Chương này, khái niệm “phương tiện bay không người lái” có nghĩa là bất kỳ phương tiện bay nào, trừ các phương tiện bay thuộc nhóm 88.01, được thiết kế để bay mà không có người lái trên phương tiện bay. Chúng có thể được thiết kế để mang trọng tải hoặc được trang bị camera kỹ thuật số tích hợp vĩnh viễn hoặc các thiết bị khác cho phép chúng thực hiện các chức năng sử dụng thực tế trong suốt chuyến bay.

Tuy nhiên, cụm từ “phương tiện bay không người lái” không bao gồm đồ chơi bay, được thiết kế chỉ cho mục đích giải trí (nhóm 95.03).

Chú giải phân nhóm.

1. - Theo mục đích của các phân nhóm từ 8802.11 đến 8802.40, khái niệm “trọng lượng không tải” nghĩa là trọng lượng của máy móc ở chế độ bay bình thường, không bao gồm trọng lượng của tổ bay và trọng lượng của nhiên liệu và thiết bị trừ các thiết bị được gắn cố định.

(b) Machines and appliances mounted on a simple wheeled chassis, designed to be towed, such as mobile pumps and compressors (**heading 84.13 or 84.14**) and mobile cranes and ladders (**heading 84.26 or 84.28**).

(c) Trailed concrete mixers (**heading 84.74**).

PARTS

This heading also includes parts of the vehicles mentioned above, **provided** the parts comply with **both** the following conditions :

(i) They must be identifiable as being suitable for use solely or principally with such vehicles;

and (ii) They must not be excluded by the provisions of the Notes to Section XVII (see the corresponding General Explanatory Note).

Parts of this heading include :

- (1) Chassis and component parts thereof (frame side members, cross members, etc.).
- (2) Axles.
- (3) Bodies and parts thereof.
- (4) Wooden or steel wheels and parts thereof, including wheels fitted with their tyres.
- (5) Coupling devices.
- (6) Brakes and parts thereof.
- (7) Shafts, swingle-bars and similar parts.

*
* *

Winter sports equipment, such as toboggans, bobsleighs (bobsleds), etc., is **excluded** (**heading 95.06**).

Chapter 88

Aircraft, spacecraft, and parts thereof

1.- For the purposes of this Chapter, the expression “unmanned aircraft” means any aircraft, other than those of heading 88.01, designed to be flown without a pilot on board. They may be designed to carry a payload or equipped with permanently integrated digital cameras or other equipment which would enable them to perform utilitarian functions during their flight.

The expression “unmanned aircraft”, however, does not cover flying toys, designed solely for amusement purposes (heading 95.03).

Subheading Notes.

1. - For the purposes of subheadings 8802.11 to 8802.40, the expression “unladen weight” means the weight of the machine in normal flying order, excluding the weight of the crew and of fuel and equipment other than permanently fitted items of equipment.

2. - Theo mục đích của các phân nhóm 8806.21 đến 8806.24 và 8806.91 đến 8806.94, khái niệm "trọng lượng cất cánh tối đa" có nghĩa là trọng lượng tối đa của phương tiện bay ở chế độ bay bình thường, khi cất cánh, kể cả trọng lượng của trọng tải, thiết bị và nhiên liệu.

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm khí cầu và khinh khí cầu điều khiển được và phương tiện bay không dùng động cơ (nhóm 88.01), phương tiện bay khác (các nhóm 88.02 hoặc 88.06), tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ (nhóm 88.02), một số thiết bị tương tự khác như dù (nhóm 88.04), thiết bị phóng dùng cho phương tiện bay, dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay và thiết bị huấn luyện bay mặt đất (nhóm 88.05).

Các phương tiện bay chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện (ví dụ phương tiện bay không trang bị động cơ hoặc thiết bị bên trong) được phân loại như là các phương tiện bay hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện, với điều kiện chúng mang những đặc điểm chủ yếu của phương tiện bay đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện.

88.01- Khí cầu và khinh khí cầu điều khiển được; tàu lượn, tàu lượn treo và các phương tiện bay khác không dùng động cơ.

(I) KHÍ CẦU VÀ KHINH KHÍ CẦU ĐIỀU KHIỂN ĐƯỢC

Nhóm này bao gồm các phương tiện bay nhẹ hơn không khí, không phân biệt mục đích sử dụng (quân sự, thể thao, khoa học, quảng cáo...). Loại này gồm những khí cầu tự do và khí cầu có dây giữ (ví dụ, giữ chặt vào mặt đất bằng cáp), và những khinh khí cầu có thể điều khiển cơ khí được.

Nhóm này cũng bao gồm các loại khí cầu được sử dụng trong ngành hàng không hoặc khí tượng:

(1) **Các khí cầu thăm dò.** Những khí cầu này được sử dụng để đưa các máy móc thăm dò vô tuyến lên cao. Chúng có thể nặng đến 4.500g, nhưng trọng lượng thông thường của chúng giao động từ 350g đến 1.500g.

(2) **Các khí cầu hoa tiêu.** Những khí cầu này được phóng lên để xác định tốc độ và hướng gió. Chúng thường nặng từ 50g đến 100g.

(3) **Các khí cầu đo độ cao mây.** Loại này thường nhỏ hơn các loại được nêu tại các điểm (1) và (2) ở trên và thường có trọng lượng từ 4g đến 30g. Chúng được sử dụng để xác định độ cao của mây.

Trong hầu hết các trường hợp, các khí cầu được sử dụng trong ngành khí tượng thường được chế tạo bằng cao su rất mỏng, chất lượng cao cho phép có mức độ giãn lớn. Các loại khí cầu đồ chơi của trẻ em **bị loại trừ (nhóm 95.03)**. Chúng có thể được phân biệt bởi chất lượng thấp hơn, có cổ ngắn để bơm hơi và thường được trang trí hoặc quảng cáo bên ngoài.

(II) TÀU LƯỢN VÀ TÀU LƯỢN TREO

Tàu lượn là những phương tiện bay nặng hơn không khí, hoạt động dựa theo các dòng khí quyển. Tuy nhiên,

2. - For the purposes of subheadings 8806.21 to 8806.24 and 8806.91 to 8806.94, the expression "maximum take-off weight" means the maximum weight of the machine in normal flying order, at take-off, including the weight of payload, equipment and fuel.

GENERAL

This Chapter covers balloons and dirigibles and non-powered aircraft (heading 88.01), other aircraft (headings 88.02 or 88.06), spacecraft (including satellites) and spacecraft launch vehicles (heading 88.02), certain allied equipment such as parachutes (heading 88.04), aircraft launching gear, deck-arrestor gear and ground flying trainers (heading 88.05).

Incomplete or unfinished aircraft (e.g., aircraft not equipped with engines or internal equipment) are classified as the corresponding complete or finished aircraft, **provided** they have the essential character of the latter.

88.01 - Balloons and dirigibles; gliders, hang gliders and other non-powered aircraft.

(I) BALLOONS AND DIRIGIBLES

This group covers lighter-than-air aircraft whatever their intended use (military, sporting, scientific, publicity, etc.). These comprise **balloons**, free or captive (i.e., moored to the ground by a cable), and mechanically driven **dirigibles**.

This group also includes balloons of the following types, used in aeronautics or meteorology :

(1) **Sounding balloons.** These are used to carry radio-sounding instruments to high altitudes. They may weigh up to 4,500 g, but their normal weight varies between 350 and 1,500 g.

(2) **Pilot balloons.** These are released to indicate the speed and direction of wind. Normally they weigh from 50 to 100 g.

(3) **Ceiling balloons.** These are smaller than the balloons in (1) and (2) above and normally weigh 4 to 30 g. They are used to determine cloud height.

In most cases balloons used in meteorology are of very thin, high quality rubber allowing a high degree of expansion. Children's toy balloons are **excluded (heading 95.03)**. They may be distinguished by their inferior quality, short inflation necks and the advertisements or decorations often found on them.

(II) GLIDERS AND HANG GLIDERS

Gliders are heavier-than-air aircraft which stay airborne using atmospheric currents. However,

các tàu lượn trang bị hoặc được thiết kế có gắn động cơ được phân loại vào **nhóm 88.02**.

Tàu lượn treo, đặc biệt, bao gồm cánh hình tam giác vượt về sau (cánh đen ta), cho phép cố định một hoặc hai người vào tàu lượn bởi bộ dây treo để thực hiện một số thao tác bay. Những cánh bay này được làm từ các vật liệu (thường là vải dệt) được trùm lên một khung cứng, thường là hình ống và bằng kim loại, được gắn một thanh nằm ngang ở giữa khung để lái. Các dạng khác của tàu lượn treo có thể mang các hình dáng khác, nhưng tương tự như loại cánh đen ta về cấu trúc và cách vận hành khí động lực.

(III) CÁC PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC KHÔNG DÙNG ĐỘNG CƠ

Nhóm này bao gồm **điều**, là những phương tiện bay nặng hơn không khí, không có máy đẩy. Điều được đề cập ở đây là loại được nối giữ với mặt đất bằng một loại dây tương tự như những khí cầu có dây giữ và có thể được sử dụng, ví dụ, để mang các dụng cụ đo đạc khí tượng.

Nhóm này **không bao gồm** điều được thiết kế làm đồ chơi (**nhóm 95.03**)

*
* *

Nhóm này **không bao gồm** các mô hình, cho dù có được chế tạo chính xác theo tỷ lệ hay không, để trưng trí (ví dụ, **nhóm 44.20** hoặc **83.06**), để trưng bày (**nhóm 90.23**), hoặc các đồ chơi hoặc nhằm mục đích giải trí (**nhóm 95.03**)

88.02 - Phương tiện bay khác (ví dụ, trực thăng, máy bay); trừ phương tiện bay không người lái thuộc nhóm 88.06; tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quỹ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ.

- Trực thăng:

8802.11 - - Trọng lượng không tải không quá 2.000 kg

8802.12 - - Trọng lượng không tải trên 2.000 kg

8802.20 - Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải không quá 2.000 kg

8802.30 - Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 2.000 kg nhưng không quá 15.000kg

8802.40 - Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 15.000kg

8802.60 - Tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quỹ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ

Nhóm này gồm có:

(1) Các **phương tiện bay nặng hơn không khí** hoạt động bằng một máy đẩy. Nhóm này bao gồm các **loại máy bay** (đổ trên mặt đất, trên mặt nước và cả mặt đất mặt nước), **máy bay ổn định nhờ hồi chuyển** (được trang bị với một hoặc nhiều cánh quạt quay tự do quanh

gliders fitted with or designed to be fitted with an engine are classified in **heading 88.02**.

Hang gliders include, in particular, delta wings which enable one or two persons, suspended by a harness, to perform certain aerial manoeuvres. These wings consist of material (generally textile) stretched over a rigid structure, usually tubular and of metal, incorporating a horizontal steering bar in the centre. Other types of hang gliders may be otherwise shaped, but are similar to delta wings in their structure and aerodynamic behaviour.

(III) OTHER NON-POWERED AIRCRAFT

This group includes **kites** which are heavier-than-air aircraft without mechanical propulsion. Kites are moored to the ground by a line in the same way as captive balloons and may be used, for example, to carry meteorological instruments.

Kites clearly designed as toys are **excluded (heading 95.03)**.

*
* *

The heading also **excludes** models, whether or not built accurately to scale, used, for example, for decoration (e.g., **heading 44.20** or **83.06**), for purely demonstrational purposes (**heading 90.23**), or as toys or models for recreational purposes (**heading 95.03**).

88.02 - Other aircraft (for example, helicopters, aeroplanes), except unmanned aircraft of heading 88.06; spacecraft (including satellites) and suborbital and spacecraft launch vehicles.

- Helicopters:

8802.11 - - Of an unladen weight not exceeding 2,000 kg

8802.12 - - Of an unladen weight exceeding 2,000 kg

8802.20 - Aeroplanes and other aircraft, of an unladen weight not exceeding 2,000 kg

8802.30 - Aeroplanes and other aircraft, of an unladen weight exceeding 2,000 kg but not exceeding 15,000 kg

8802.40 - Aeroplanes and other aircraft, of an unladen weight exceeding 15,000 kg

8802.60 - Spacecraft (including satellites) and suborbital and spacecraft launch vehicles

This heading covers :

(1) **Heavier-than-air aircraft**, which are mechanically propelled. This group includes **aeroplanes** (landplanes, seaplanes and amphibians), **gyroplanes** (equipped with one or more rotors rotating freely on vertical axes), and **helicopters**

trục thẳng đứng), và các máy bay trực thăng (được trang bị một hoặc nhiều cánh quạt vận hành cơ khí).

Các phương tiện bay này có thể được sử dụng vào mục đích quân sự, việc vận chuyển người hoặc hàng hoá hoặc cho những hoạt động như đào tạo, chụp ảnh trên không, nông nghiệp, cứu hộ, cứu hoả, quan sát khí tượng hoặc các mục đích khoa học khác.

Các phương tiện bay được thiết kế một cách đặc biệt để có thể được sử dụng như các phương tiện hoạt động trên mặt đất được xếp trong nhóm này.

(2) **Tàu vũ trụ**, là những phương tiện bay có khả năng di chuyển trong không gian bên ngoài bầu khí quyển của trái đất (ví dụ, những vệ tinh viễn thông hoặc vệ tinh dùng trong ngành khí tượng).

(3) **Các phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ**, có chức năng đưa một vật vào quỹ đạo quay xung quanh trái đất (“phương tiện phóng vệ tinh”) hoặc vào ảnh hưởng của một trường trọng lực nằm ngoài vùng sức hút của quả đất (“phương tiện phóng tàu vũ trụ”). Các phương tiện này truyền đến vật phóng một vận tốc trên 7.000m/giây trước khi rời bệ phóng.

(4) **Các phương tiện phóng không hết một quỹ đạo** thường theo đường cong parabol và thường mang ra ngoài bầu khí quyển quả đất những dụng cụ phục vụ mục đích khoa học hoặc kỹ thuật khác có thể thu hồi hoặc không thu hồi lại. Khi những vật có ích ấy được phóng đi, thì tốc độ mà các phương tiện truyền đến để đẩy vật phóng đi không vượt quá 7.000m/giây. Các vật có ích rơi trở lại quả đất thường bằng dù để thu hồi.

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm** các tên lửa chiến đấu, các tên lửa được dẫn đường, ví dụ “tên lửa đạn đạo”, và các vũ khí chiến tranh tương tự mà không truyền đến vật phóng một vận tốc lớn hơn 7.000m/giây (**nhóm 93.06**). Các phương tiện phóng này mang theo các vũ khí chiến tranh như chất nổ, đầu đạn, hoá chất và sau khi bay theo một đường cong parabol thì vật bay này tác động tới mục tiêu.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Các mô hình, cho dù có được chế tạo chính xác theo tỷ lệ hay không, để trang trí (ví dụ, **nhóm 44.20** hoặc **83.06**), chỉ để trưng bày (**nhóm 90.23**).

(b) Phương tiện bay không người lái được nêu tại Chú giải 1 Chương này (**nhóm 88.06**).

(c) Các đồ chơi hoặc mô hình để giải trí (**nhóm 95.03**).

(d) Các mô hình được thiết kế đặc biệt cho trò chơi di chuyển trong công viên giải trí hoặc trong các trò chơi hội chợ (**nhóm 95.08**).

[88.03]

88.04 - Dù (kể cả dù điều khiển được và dù lượn) và dù xoay; các bộ phận và phụ kiện của chúng.

Nhóm này bao gồm các loại dù dùng thả người, thả thiết bị quân sự, dụng cụ khí tượng, pháo sáng, v.v...; một số

(equipped with one or more mechanically driven rotors).

Such aircraft may be used for military purposes, the transport of persons or goods or for such activities as training, aerial photography, agricultural work, rescue duties, fire fighting or for meteorological or other scientific purposes.

Aircraft specially constructed so that they can be used as road vehicles are covered by this heading.

(2) **Spacecraft**, which are vehicles able to travel outside the earth’s atmosphere (e.g., telecommunications or meteorological satellites).

(3) **Spacecraft launch vehicles** whose function is to place a given payload on a trajectory orbiting the earth (“satellite launch vehicles”) or falling under the influence of a gravitational field other than that of the earth (“spacecraft launch vehicles”). These vehicles impart to the payload a terminal velocity exceeding 7,000 m/s at the end of the powered flight.

(4) **Suborbital launch vehicles** that follow a parabolic trajectory and generally carry instrumentation for scientific or other technical purposes, whether or not in the form of a retrievable payload, beyond the earth’s atmosphere. In cases where payloads are released, these vehicles do not impart a terminal velocity exceeding 7,000 m/s. Payloads are often returned to the earth’s surface by parachute for recovery.

The heading **excludes**, however, artillery rockets, guided missiles, e.g., “ballistic missiles”, and similar munitions of war which do not impart a terminal velocity exceeding 7,000 m/s to the payload (heading 93.06). They deliver munitions of war, e.g., explosives, submunitions, chemical agents, and after following a parabolic trajectory cause the payload to impact on a target.

The heading also **excludes**:

(a) Models, whether or not built accurately to scale, used, for example, for decoration (e.g., **heading 44.20** or **83.06**) or for purely demonstrational purposes (**heading 90.23**).

(b) Unmanned aircraft specified in Note 1 to this Chapter (**heading 88.06**).

(c) Toys or models for recreational purposes (**heading 95.03**).

(d) Models specially designed for amusement park rides and fairground amusements (**heading 95.08**).

[88.03]

88.04 - Parachutes (including dirigible parachutes and paragliders) and rotochutes; parts thereof and accessories thereto.

This heading covers parachutes used for the descent of personnel, military supplies or equipment,

loại được sử dụng như dù ở đuôi máy bay để hãm máy bay phản lực. Tùy theo công dụng, các dù này có kích cỡ khác nhau và có thể được làm bằng lụa, bằng sợi dệt tổng hợp, bằng lanh, bằng sợi bông, bằng giấy, v.v..

Phần trên của kiểu dù thông thường, loại dành cho những người nhảy dù sử dụng, thường gồm **một dù rút**, kích thước nhỏ, được mở ra khi kéo dây. **Dù rút** làm cho chòm của dù chính, nơi có gắn một số dây néo dù, mở rộng ra. Những dây này là những thừng chèo dính liền nhau ở phía dưới, thành hai hoặc nhiều đai buộc chặt vào bộ áo của người nhảy dù và là một tập hợp những đai có khóa và móc lò xo. Dù rút, chòm dù và dây néo dù được gấp cẩn thận vào **một cái túi** mở ra nhờ dây dù.

Nhóm này cũng bao gồm những **dù lượn**, thiết kế để người nhảy dù tự nhảy từ sườn núi, từ mỏm vách đá, v.v... gồm một mặt dù gấp được, những dây néo dù đan nhau dùng để điều khiển hướng gió và một bộ áo của người lái.

Tuy nhiên, cách hoạt động khí động lực học của loại dù này có khác các dù thường, vì trong những điều kiện nhất định và nếu hướng dòng gió cho phép người nhảy dù có thể bay theo những đường vòng.

Nhóm này cũng bao gồm các **dù xoay** là loại dù có bộ phận cánh xoay được, dùng trong khí tượng để kiểm soát quá trình rơi xuống của các thiết bị dò sóng vô tuyến do tên lửa phóng lên.

Nhóm này cũng bao gồm các bộ phận và phụ tùng dù, như túi, dây cương và các khung có lò xo dùng để mở dù, và các bộ phận và phụ tùng của dù xoay.

88.05 - Thiết bị phóng dù cho phương tiện bay; dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; thiết bị huấn luyện bay mặt đất; các bộ phận của các thiết bị trên.

8805.10 - Thiết bị phóng dù cho phương tiện bay và các bộ phận của chúng; dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự và các bộ phận của chúng

- Thiết bị huấn luyện bay mặt đất và các bộ phận của chúng:

8805.21 - - Thiết bị mô phỏng tập trận trên không và các bộ phận của chúng

8805.29 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm ba dạng sản phẩm hoàn toàn khác biệt:

(A) Thiết bị phóng dù cho phương tiện bay

Các thiết bị phóng dù cho phương tiện bay này thường được sử dụng trên tàu thủy, gồm một cấu trúc bằng kim loại để định hướng phương tiện bay. Sức đẩy và sự tăng tốc cần thiết cho việc cất cánh đạt được nhờ không khí nén, hơi, băng sức nổ của đạn, v.v... trên một xe chở hoặc trên một pít tông mà phương tiện bay được gắn vào.

meteorological instruments, flares, etc.; certain types are used as tail chutes for slowing jet propelled aircraft. According to their use, they may be of various sizes, and may be made of silk, man-made fibre materials, linen, cotton, paper, etc.

The upper part of the conventional type of parachute, as used by personnel, usually consists of a small **pilot chute** which opens when the rip cord is pulled. This, in turn, opens the **main chute canopy** to which are attached a certain number of **shroud lines**. These cords are brought together at the bottom into two or more **risers**, attached to the harness which is worn by the parachutist and which consists of an assembly of straps, fitted with buckles and snap-hooks. The pilot chute, the main chute canopy and the shroud lines are packed carefully in a **container** which is opened by means of the rip cords.

This heading also covers **paragliders** which are designed for launching oneself from the side of a mountain, the top of a cliff, etc., and which consist of a folding canopy or shroud (wing), cord shroud lines for steering in air currents and a harness for the pilot.

However, their similarity to parachutes does not extend to aerodynamic behaviour, since under certain conditions and if air currents so permit, paragliders may follow ascending trajectories.

The heading also includes **rotochutes**, a type of apparatus with a rotating wing unit, used in meteorology to control the descent of rocket-launched radio-sounding instruments.

The heading also covers parts and accessories for parachutes, such as the container, harness and spring frames for opening the parachute, and parts and accessories for rotochutes.

88.05 - Aircraft launching gear; deck-arrestor or similar gear; ground flying trainers; parts of the foregoing articles.

8805.10 - Aircraft launching gear and parts thereof; deck-arrestor or similar gear and parts thereof

- Ground flying trainers and parts thereof:

8805.21 - - Air combat simulators and parts thereof

8805.29 - - Other

This heading covers three entirely distinct types of goods, viz. :

(A) Aircraft launching gear.

Aircraft launching gear, generally used on board ships, incorporates a metal structure which guides the aircraft to be launched. The acceleration required for the take-off is provided by the action of compressed air, steam, exploding cartridges, etc., exerted on a trolley or ram on which the aircraft is mounted.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các tời máy dùng để phóng tàu lượn (**nhóm 84.25**).

(b) Các bộ phóng tên lửa và tháp phóng tên lửa chỉ để định hướng tên lửa khi cất cánh mà không đẩy chúng, những hoả tiễn này tự bay lên nhờ vào năng lượng của chúng (**nhóm 84.79**).

(B) **Dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự.**

Những máy móc này, được sử dụng trên các tàu sân bay và một số sân bay nhỏ, được dùng để giảm tốc máy bay lúc tiếp đất, nhằm giảm bớt chiều dài đường băng cần thiết để phương tiện dừng lại hoàn toàn.

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm** các thiết bị khác như thiết bị an toàn (ví dụ lưới)

(C) **Thiết bị huấn luyện bay mặt đất.**

Các ví dụ của những thiết bị này được sử dụng để huấn luyện phi công bao gồm:

(1) **Các máy mô phỏng bay** hoạt động bằng điện tử. Các điều kiện bay được mô phỏng bằng các thiết bị điện tử mà đã được gắn vào bộ phận điều khiển một tổ hợp về “cảm giác” và cách đọc tương ứng với điều kiện bay cho sẵn.

Thiết bị mô phỏng tập trận trên không là bất kỳ hệ thống điện tử hoặc cơ khí dùng để đào tạo phi công bằng cách mô phỏng điều kiện chiến đấu trên không trong suốt quá trình bay.

Khi các máy mô phỏng bay lắp trên khung gầm ô tô hoặc trên romoóc, loại phương tiện này lần lượt được phân loại vào các **nhóm 87.05** hoặc **87.16** (xem Chú giải Chi tiết của nhóm 87.16).

(2) Một thiết bị được gọi là “**huấn luyện liên kết**”, gồm có một ca bin nhỏ quay trên một bộ và được trang bị giống như một buồng lái máy bay, tạo cho người học khả năng thực hiện mọi thao tác cần thiết trong một chuyến bay thường.

CÁC BỘ PHẬN

Nhóm này cũng bao gồm bộ phận của các sản phẩm đã được nhắc đến ở trên, **với điều kiện** là các bộ phận đó đáp ứng **đủ** hai điều kiện sau:

(i) Chúng phải được nhận biết là phù hợp chỉ để sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho các phương tiện này;

và (ii) Chúng không bị loại trừ theo các quy định của Chú giải Phần XVII (xem Chú giải Tổng quát tương ứng).

*

* *

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm** các thiết bị mà chủ yếu được dùng để ghi lại những phản ứng của con người trong các điều kiện bay khó khăn (ví dụ, tăng tốc, thiếu ô xi v.v...); các máy móc này (ví dụ, các khoang

The heading **excludes** :

(a) Motor driven winch gear used for launching gliders (**heading 84.25**).

(b) Rocket-launching ramps and towers which merely guide rockets during take-off without propelling them, the rockets climbing under their own power (**heading 84.79**).

(B) **Deck-arrestor or similar gear.**

This gear, used on aircraft carriers and at some aerodromes, serves to reduce the speed of an aircraft at the moment of landing, in order to shorten the length of runway needed for the aircraft to come to a halt.

The heading **does not**, however, **cover** other equipment, such as safety equipment (nets, for example).

(C) **Ground flying trainers.**

Examples of these devices which are used for training pilots include :

(1) **Flight simulators** which function electronically. Flying conditions are simulated by electronic apparatus which feed into the controls the correct combination of “ feel ” and reading corresponding to given flying conditions.

Air combat simulators refer to any electronic or mechanical system for training aircraft pilots by simulating air combat conditions during flight.

When mounted on a motor vehicle chassis or trailer, this type of equipment is classified in **heading 87.05** or **87.16** respectively (but see the Explanatory Note to heading 87.16).

(2) A device known as a “**link trainer**” comprising a small cabin pivoting on a base and equipped as an aeroplane cockpit enabling the pupil to carry out all the manoeuvres required in normal flying.

PARTS

This heading also covers parts of the above-mentioned articles, **provided** the parts fulfil **both** the following conditions :

(i) They must be identifiable as being suitable for use solely or principally with such articles;

and (ii) They must not be excluded by the provisions of the Notes to Section XVII (see the corresponding General Explanatory Note).

*

* *

The heading **excludes**, however, equipment principally intended to register human reactions under arduous flying conditions (e.g., high acceleration, shortage of oxygen); such equipment

được dựng lên trên một cánh tay quay mô phỏng các điều kiện của máy bay siêu âm) mang tính chất những máy móc kiểm tra phân xạ và những loại đó được phân loại vào **nhóm 90.19**.

Các thiết bị không được thiết kế đặc biệt để huấn luyện bay cho phi công mà là để dạy chung cho các phi hành đoàn (ví dụ như các mô hình phóng to của máy bay ổn định nhờ hồi chuyên) thì **bị loại trừ (nhóm 90.23)**.

88.06 - Phương tiện bay không người lái.

8806.10 - - Được thiết kế để vận chuyển hành khách

- Loại khác, chỉ sử dụng cho chuyến bay được điều khiển từ xa:

8806.21 - - Trọng lượng cất cánh tối đa không quá 250 g

8806.22 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 250 g nhưng không quá 7 kg

8806.23 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 7 kg nhưng không quá 25 kg

8806.24 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 25 kg nhưng không quá 150 kg

8806.29 - - Loại khác

- Loại khác:

8806.91 - - Trọng lượng cất cánh tối đa không quá 250 g

8806.92 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 250 g nhưng không quá 7 kg

8806.93 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 7 kg nhưng không quá 25kg

8806.94 - - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 25 kg nhưng không quá 150kg

8806.99 - - Loại khác

Theo Chú giải 1 của Chương này, nhóm này bao gồm phương tiện không người lái, được thiết kế để bay mà không có người lái trên máy bay, trừ những loại được nêu trong nhóm 88.01. Phương tiện bay không người lái có thể chỉ có khả năng thực hiện chuyến bay điều khiển từ xa do người điều khiển từ nơi khác (ví dụ, mặt đất, tàu, phương tiện bay khác hoặc không gian) vào mọi lúc trong quá trình hoạt động bay, hoặc có khả năng bay được lập trình để được thực hiện mà không cần sự can thiệp của người vận hành.

Mặc dù phương tiện bay không người lái có thể có nhiều hình dạng và kích cỡ khác nhau nhưng chúng thường được trang bị một hoặc nhiều cánh quạt hoặc rôto được điều khiển bằng động cơ, hoặc cánh cố định, và hệ thống liên lạc để chỉ huy và điều khiển bởi người điều khiển từ xa. Chúng cũng có thể kết hợp các máy thu Hệ thống Vệ tinh Định vị Toàn cầu (GNSS), (ví dụ, GPS, GLONASS hoặc BEIDOU) để di chuyển ổn định và bay trở lại điểm cất cánh và các hệ thống tránh chướng ngại vật, chức năng theo dõi và nhận dạng đối tượng.

(e.g., compartments built on a rotating arm which simulate supersonic flying conditions) is in the nature of reflex-testing apparatus and as such is classified in **heading 90.19**.

Equipment which is not specially designed for the flying training of pilots but for the general instruction of aircrews (e.g., large scale models of gyroscopes) is also **excluded (heading 90.23)**.

88.06 - Unmanned aircraft.

8806.10 - - Designed for the carriage of passengers

- Other, for remote-controlled flight only :

8806.21 - - With maximum take-off weight not more than 250 g

8806.22 - - With maximum take-off weight more than 250 g but not more than 7 kg

8806.23 - - With maximum take-off weight more than 7 kg but not more than 25 kg

8806.24 - - With maximum take-off weight more than 25 kg but not more than 150 kg

8806.29 - - Other

- Other :

8806.91 - - With maximum take-off weight not more than 250 g

8806.92 - - With maximum take-off weight more than 250 g but not more than 7 kg

8806.93 - - With maximum take-off weight more than 7 kg but not more than 25 kg

8806.94 - - With maximum take-off weight more than 25 kg but not more than 150 kg

8806.99 - - Other

In accordance with Note 1 to this Chapter, this heading covers unmanned aircraft, designed to be flown without a pilot on board, other than those specified in heading 88.01. Unmanned aircraft may be capable of remote-controlled flight only which is operated by an operator from another place (for example, ground, ship, another aircraft, or space) at all times during the flight operation, or capable of flight which is programmed to be performed without the intervention by an operator.

Although unmanned aircraft may have various shapes and sizes, they are commonly equipped with one or more propellers or rotors driven by motors, or fixed wings, and communication systems for command and control by a remote operator. They may also incorporate Global Navigation Satellite System (GNSS) receivers, (e.g., GPS, GLONASS or BEIDOU) for stable hovering and flying back to the take-off point and systems for obstacle avoidance, object recognition and tracking function.

Phương tiện bay không người lái có thể được thiết kế để mang trọng tải hoặc được trang bị máy ảnh kỹ thuật số tích hợp vĩnh viễn hoặc thiết bị khác được sử dụng cho các chức năng tiện dụng như vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách, chụp ảnh trên không, công việc nông nghiệp hoặc khoa học, nhiệm vụ cứu hộ, chữa cháy, giám sát hoặc vì mục đích quân sự.

Nhóm này cũng loại trừ các đồ chơi hoặc mô hình bay được thiết kế chỉ nhằm mục đích giải trí, và không được thiết kế để thực hiện các chức năng thực dụng. Chúng có thể được phân biệt, ví dụ như bằng trọng lượng thấp, độ cao hạn chế, khoảng cách hoặc thời gian chúng có thể bay, tốc độ tối đa, không có khả năng bay tự động, hoặc không có khả năng mang tải/hàng hóa hoặc vì chúng không được trang bị thiết bị điện tử phức tạp (ví dụ, Hệ thống định vị toàn cầu, yêu cầu bay đêm hoặc tầm nhìn ban đêm) (**nhóm 95.03**).

88.07 - Các bộ phận của các mặt hàng thuộc nhóm 88.01, 88.02 hoặc 88.06.

8807.10 - Cánh quạt và rôto và các bộ phận của chúng

8807.20 - Bộ càn- bánh và các bộ phận của chúng

8807.30 - Các bộ phận khác của máy bay, trực thăng hoặc phương tiện bay không người lái

8807.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm các bộ phận của các hàng hóa thuộc các nhóm 88.01, 88.02 hoặc 88.06, **nếu** các bộ phận này đáp ứng đủ hai điều kiện sau:

(i) Được xác định phù hợp để chỉ hoặc chủ yếu sử dụng cho các hàng hóa thuộc các nhóm đã nêu trên; và

(ii) Chúng không bị loại trừ theo những quy định của Chú giải của Phần XVII (xem Chú giải Tổng quát tương ứng).

Các bộ phận trong nhóm này bao gồm:

(I) Các bộ phận của khí cầu và khinh khí cầu điều khiển được, như:

(1) Vỏ khí cầu

(2) Các vỏ ngoài và các bộ phận của chúng (dải hoặc thành tấm)

(3) Các vòng trọng tải.

(4) Gác khí cầu nhỏ làm cơ cấu bù trừ (ballonet).

(5) Các khung cứng và các đoạn của chúng.

(6) Các bộ thăng bằng và bánh lái, đuôi lái.

(7) Các cánh quạt của các khinh khí cầu điều khiển được.

(II) Các bộ phận của các phương tiện bay, có hoặc không người lái, kể cả tàu lượn và điều, như:

(1) Thân và vỏ máy bay; các phần của thân hoặc của vỏ máy bay; cũng như các bộ phận bên ngoài hoặc bên trong (vòm cho ăngten, radar, mũi đuôi thân máy bay, các bộ phận phụ làm thon thân máy bay, các tấm, vách,

Unmanned aircraft may be designed to carry a payload or equipped with permanently integrated digital cameras or other equipment to be used for utilitarian functions such as the carriage of cargo or passengers, aerial photography, agricultural or scientific work, rescue duties, fire-fighting, surveillance, or for military purposes.

The heading also excludes flying toys or models designed solely for recreational or amusement purposes, and that are not designed to perform utilitarian functions. They can be distinguished, for example by their low weight, limited height, distance or time they can fly, maximum speed, inability to fly autonomously or inability to carry a load/cargo, or because they are not equipped with sophisticated electronic apparatus (e.g. Global Positioning Systems, night flight requirements or nocturnal visibility) (**heading 95.03**).

88.07 - Parts of goods of heading 88.01, 88.02 or 88.06.

8807.10 - Propellers and rotors and parts thereof

8807.20 - Under-carriages and parts thereof

8807.30 - Other parts of aeroplanes, helicopters or unmanned aircraft

8807.90 - Other

This heading covers parts of the goods falling in heading 88.01, 88.02 or 88.06, **provided** the parts fulfil **both** the following conditions :

(i) They must be identifiable as being suitable for use solely or principally with the goods of the above-mentioned headings; and

(ii) They must not be excluded by the provisions of the Notes to Section XVII (see the corresponding General Explanatory Note).

The parts of this heading include :

(I) Parts of balloons and dirigibles, such as :

(1) Nacelles.

(2) Envelopes and parts thereof (strips or panels).

(3) Carrier hoops.

(4) Ballonets.

(5) Rigid frames and sections thereof.

(6) Stabilisers and rudders.

(7) Propellers for dirigibles.

(II) Parts of aircraft, manned or unmanned, including gliders and kites, such as :

(1) Fuselages and hulls; fuselage or hull sections; also their internal or external parts (radomes, tail cones, fairings, panels, partitions, luggage compartments, floors, instrument panels, frames,

ngân hàng hoá, sàn, bảng điều khiển của buồng lái, khung, cửa ra vào và băng rãnh trượt để sơ tán người, cửa sổ, cửa sổ ở thành máy bay,...).

- (2) Cánh và các bộ phận của chúng (sải cánh, đường gân, thanh giằng).
- (3) Các mặt điều khiển, chuyển động hoặc không (cánh liệng, cánh phụ, các mũi công kích, bộ lệch dòng, bánh lái độ cao và định hướng, bộ ổn định, các bộ thăng bằng, v.v...).
- (4) Vỏ khí cầu, nắp đẩy, các giảm sức cản hình thoi (giò nôi hình thoi) và các cột để cố định động cơ phản lực.
- (5) Các bộ bánh máy bay (kể cả phanh và phụ kiện của phanh) và các thiết bị gập bánh xe lại; bánh xe (có lốp hoặc không); các ván trượt hạ cánh.
- (6) Các phao cho thủy phi cơ.
- (7) Cánh quạt, rôto; các cánh của cánh quạt và cánh rôto; các thiết bị để điều chỉnh vòng xoắn cánh quạt và rôto.
- (8) Các cần điều khiển (cần điều khiển, bánh lái và các cần thao tác khác).
- (9) Bình chứa nhiên liệu, kể cả các bình phụ.

Chương 89

Tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi

Chú giải.

1.- Thân tàu, tàu chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, đã lắp ráp, hoặc chưa lắp ráp hoặc tháo rời, hoặc tàu hoàn chỉnh chưa lắp ráp hoặc tháo rời, được phân loại vào nhóm 89.06 nếu không có đặc trưng cơ bản của một loại tàu cụ thể.

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm tàu thuyền các loại (tự hành hoặc không) và cả các kết cấu nổi như giếng chìm hơi ép để làm việc dưới nước, các thùng nổi buộc tàu thuyền, bến tàu thủy, phao tiêu. Chương này cũng bao gồm các xe đệm không khí (tàu đệm khí) được thiết kế để di chuyển trên mặt nước (biển, cửa sông, hồ), có thể hoặc không thể đỗ trên bãi biển hoặc bến tàu hoặc có thể di chuyển trên bề băng (xem Chú giải 5 Phần XVII)

Chương này cũng bao gồm:

(A) Tàu thuyền chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện (ví dụ tàu chưa lắp động cơ đẩy, khí cụ hàng hải, máy nâng hàng hoặc máy xếp dỡ hàng hoặc đồ nội thất)

(B) Thân tàu làm bằng bất cứ chất liệu gì.

Tàu thuyền hoàn chỉnh ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời và thân tàu, tàu thuyền chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện (đã hoặc chưa lắp ráp), được phân loại vào một loại tàu thuyền cụ thể, nếu chúng có đặc trưng cơ bản của tàu thuyền đó. Trong các trường hợp khác, chúng được phân loại vào nhóm 89.06.

Ngược với quy định liên quan đến thiết bị chuyên chở của những Chương khác thuộc Phần XVII, Chương này loại trừ các bộ phận ở dạng riêng lẻ (trừ thân tàu) và

doors, escape chutes and slides, windows, port-holes, etc.).

- (2) Wings and their components (spars, ribs, cross-members).
- (3) Control surfaces, whether or not movable (ailerons, slats, spoilers, flaps, elevators, rudders, stabilisers, servo-tabs, etc.).
- (4) Nacelles, cowlings, engine pods and pylons.
- (5) Undercarriages (including brakes and brake assemblies) and their retracting equipment; wheels (with or without tyres); landing skis.
- (6) Seaplane floats.
- (7) Propellers (airscrews), rotors; blades for propellers and rotors; pitch control mechanisms for propellers and rotors.
- (8) Control levers (control columns, rudder-bars and various other operational levers).
- (9) Fuel tanks, including auxiliary fuel tanks.

Chapter 89

Ships, boats and floating structures

Note.

1.- A hull, an unfinished or incomplete vessel, assembled, unassembled or disassembled, or a complete vessel unassembled or disassembled, is to be classified in heading 89.06 if it does not have the essential character of a vessel of a particular kind.

GENERAL

This Chapter covers ships, boats and other vessels of all kinds (whether or not self-propelled), and also floating structures such as coffer-dams, landing stages and buoys. It also includes air-cushion vehicles (hovercraft) designed to travel over water (sea, estuaries, lakes), whether or not able to land on beaches or landing-stages or also able to travel over ice (see Note 5 to Section XVII).

The Chapter also includes :

(A) Unfinished or incomplete vessels (e.g., those not equipped with their propelling machinery, navigational instruments, lifting or handling machinery or interior furnishings).

(B) Hulls of any material.

Complete vessels presented unassembled or disassembled, and hulls, unfinished or incomplete vessels (whether assembled or not), are classified as vessels of a particular kind, if they have the essential character of that kind of vessel. In other cases, such goods are classified in heading 89.06.

Contrary to the provisions relating to the transport equipment falling in other Chapters of Section XVII, this Chapter **excludes** all separately presented parts